

Phụ lục XXVIII
MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ/BẢN CÁO BẠCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital
QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG GẮN KẾT VINACAPITAL
("VINACAPITAL-VIBF")

Số: 2026 0117/VINACAPITAL-VIBF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 18 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của quỹ đầu tư chứng khoán

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của **QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG GẮN KẾT VINACAPITAL ("VINACAPITAL-VIBF")** như sau:

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Toàn văn bản	SCBVL	SC	Cập nhật tên viết tắt của Ngân hàng giám sát
2.	Toàn văn bản	Tên Quỹ Bằng Tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG TUỆ SÁNG VINACAPITAL Tên Quỹ bằng Tiếng Anh: VinaCapital Insights Balanced Fund	Tên Quỹ Bằng Tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG TUỆ SÁNG GẮN KẾT VINACAPITAL Tên Quỹ bằng Tiếng Anh: VinaCapital Insights-Integrated Balanced Fund	Cập nhật tên mới của Quỹ
3.	II. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI	"Đại Hội Nhà Đầu Tư" là đại hội của các Nhà Đầu Tư được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề liên quan đến Quỹ thuộc thẩm quyết biểu quyết của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.	"Đại Hội Nhà Đầu Tư" là đại hội của các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề liên quan đến Quỹ thuộc thẩm quyết biểu quyết của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.	Bổ sung cho rõ nghĩa
4.	II. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI		"Mức phòng vệ thanh khoản" Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung																																								
5.	II. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI	... “Giá mua lại”: Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Bản Cáo Bạch.	... “Giá mua lại”: Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Bản Cáo Bạch. Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ																																								
6.	III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ 3.1 DIỄN BIẾN VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU		Triển vọng thị trường chứng khoán Mức tăng trưởng GDP 8% của năm 2025 đã tạo ra nền cao đối với chỉ tiêu phấn đấu tăng trưởng ở các năm tiếp theo. Đối với thị trường chứng khoán, chúng tôi kỳ vọng các doanh nghiệp niêm yết sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2026, với mức tăng trưởng lợi nhuận bình quân khoảng 18%. Điều này đưa P/E dự phóng năm 2026 của VN-Index về mức khoảng 12 lần, được đánh giá là hấp dẫn cho đầu tư dài hạn. Bối cảnh toàn cầu cũng được kỳ vọng sẽ thuận lợi hơn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, khi phần lớn các nền kinh tế lớn vẫn duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và khả năng sẽ không có các cú sốc lớn về kinh tế tương tự chính sách thuế quan của Hoa Kỳ trong năm 2025.	Cập nhật triển vọng thị trường chứng khoán																																								
7.	IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 4.1 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên cổ đông</th> <th>Số lượng cổ phiếu</th> <th>Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey Islands)</td> <td>1.031.800</td> <td>9,38%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Asia Investment & Finance Limited</td> <td>5.242.600</td> <td>47,66%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)</td> <td>4.725.600</td> <td>42,96%</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Tổng cộng</td> <td>11.000.000</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)	1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey Islands)	1.031.800	9,38%	2	Asia Investment & Finance Limited	5.242.600	47,66%	3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)	4.725.600	42,96%	Tổng cộng		11.000.000	100%	<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên cổ đông</th> <th>Số lượng cổ phiếu</th> <th>Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey Islands)</td> <td>1.031.800</td> <td>9,38%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại BVI)</td> <td>5.242.600</td> <td>47,66%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)</td> <td>4.725.600</td> <td>42,96%</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Tổng cộng</td> <td>11.000.000</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)	1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey Islands)	1.031.800	9,38%	2	Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại BVI)	5.242.600	47,66%	3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)	4.725.600	42,96%	Tổng cộng		11.000.000	100%	Cập nhật nơi thành lập của các cổ đông
STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)																																									
1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey Islands)	1.031.800	9,38%																																									
2	Asia Investment & Finance Limited	5.242.600	47,66%																																									
3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)	4.725.600	42,96%																																									
Tổng cộng		11.000.000	100%																																									
STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)																																									
1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo Cayman, chuyển đến quần đảo Guernsey Islands)	1.031.800	9,38%																																									
2	Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại BVI)	5.242.600	47,66%																																									
3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại quần đảo British Virgin BVI)	4.725.600	42,96%																																									
Tổng cộng		11.000.000	100%																																									
8.	IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	VCFM là công ty tiên phong trong lĩnh vực quỹ mở và các sản phẩm đầu cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. VCFM đang quản lý các sản phẩm và dịch vụ đầu tư sau:	VCFM là công ty tiên phong trong lĩnh vực quỹ mở và các sản phẩm đầu cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. VCFM đang quản lý các sản phẩm và dịch vụ đầu tư sau:	Cập nhật tên và các quỹ ETF mới																																								

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung																																				
	4.2 GIỚI THIỆU CÁC NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 4.2.4 Tình Hình Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (“VinaCapital-VFF”); - Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Doanh Nghiệp Hưng Thịnh VinaCapital (“VinaCapital-VEOF”); - Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (“VinaCapital-VESAF”); - Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng VinaCapital (“VINACAPITAL-VIBF”); - Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (“VinaCapital-VLBF”); - Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF); - Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (“VINACAPITAL-VDEF”); - Quỹ QUỸ ETF VinaCapital/VINACAPITAL VN100; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Nâng Cao Bảo Thịnh VinaCapital (“VinaCapital-VFF”); - Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Doanh Nghiệp Hàng Đầu Hưng Thịnh VinaCapital (“VinaCapital-VEOF”); - Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Chiến Lược Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (“VinaCapital-VESAF”); - Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng Gắn Kết VinaCapital (“VINACAPITAL-VIBF”); - Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (“VinaCapital-VLBF”); - Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF); - Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cơ Hội Tiên Phong Cổ Tức Năng Động VinaCapital (“VINACAPITAL-VDEF”); - Quỹ QUỸ ETF VinaCapital/VINACAPITAL VN100; - Quỹ ETF VinaCapital VNMITECH; - Quỹ ETF VinaCapital VN50 GROWTH; 																																					
9.	IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 4.2 GIỚI THIỆU CÁC NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 4.2.4 Tình Hình Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ	<p>Tình Hình Hoạt Động Kinh Doanh Của Công Ty Quản Lý Quỹ Trong 5 Năm Gần Nhất:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Doanh thu (VNĐ)</th> <th>Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>341.442.141.509</td> <td>77.736.398.493</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>284.397.953.007</td> <td>(5.989.289.971)</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>268.692.305.261</td> <td>1.081.910.567</td> </tr> <tr> <td>2024</td> <td>366.526.079.269</td> <td>48.759.490.424</td> </tr> <tr> <td>6T-2025 (*)</td> <td>180.657.247.401</td> <td>317.012.615</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Số liệu theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, đã soát xét.</p>	Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	2021	341.442.141.509	77.736.398.493	2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)	2023	268.692.305.261	1.081.910.567	2024	366.526.079.269	48.759.490.424	6T-2025 (*)	180.657.247.401	317.012.615	<p>Tình Hình Hoạt Động Kinh Doanh Của Công Ty Quản Lý Quỹ Trong 5 Năm Gần Nhất:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Doanh thu (VNĐ)</th> <th>Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>341.442.141.509</td> <td>77.736.398.493</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>284.397.953.007</td> <td>(5.989.289.971)</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>268.692.305.261</td> <td>1.081.910.567</td> </tr> <tr> <td>2024</td> <td>366.526.079.269</td> <td>48.759.490.424</td> </tr> <tr> <td>2025</td> <td>403.174.866.460</td> <td>23.195.316.866</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	2021	341.442.141.509	77.736.398.493	2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)	2023	268.692.305.261	1.081.910.567	2024	366.526.079.269	48.759.490.424	2025	403.174.866.460	23.195.316.866	Cập nhật số liệu 2025
Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)																																						
2021	341.442.141.509	77.736.398.493																																						
2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)																																						
2023	268.692.305.261	1.081.910.567																																						
2024	366.526.079.269	48.759.490.424																																						
6T-2025 (*)	180.657.247.401	317.012.615																																						
Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)																																						
2021	341.442.141.509	77.736.398.493																																						
2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)																																						
2023	268.692.305.261	1.081.910.567																																						
2024	366.526.079.269	48.759.490.424																																						
2025	403.174.866.460	23.195.316.866																																						

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
10.	VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN	Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của đại hội nhà đầu tư.	Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và thỏa mãn các điều kiện nêu tại Điều 48, Điều lệ Quỹ để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư xem xét và lựa chọn. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để trình Đại hội Nhà đầu tư để Ban đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của đại hội nhà đầu tư.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ
11.	VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	... Công Ty Quản Lý Quỹ có thể lựa chọn và ký hợp đồng với Đại Lý Phân Phối mới hoặc chỉ định Đại Lý Ký Danh theo các quy định về Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh tại Chương 9 của Điều Lệ của Quỹ. Trong trường hợp có Đại Lý Phân Phối mới, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới các Nhà Đầu Tư và cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Nội dung thay đổi này cũng sẽ được cập nhật tại Bản Cáo Bạch vào lần cập nhật gần nhất.	... Công Ty Quản Lý Quỹ có thể lựa chọn và ký hợp đồng với Đại Lý Phân Phối mới hoặc chỉ định Đại Lý Ký Danh theo các quy định về Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh tại Chương 9 của Điều Lệ của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật Bản Cáo Bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại Lý Phân Phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối. Trong trường hợp có Đại Lý Phân Phối mới, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới các Nhà Đầu Tư và cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Nội dung thay đổi này cũng sẽ được cập nhật tại Bản Cáo Bạch vào lần cập nhật gần nhất.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ.
12.	9.2 TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ 9.2.8 Đại Hội Nhà Đầu Tư	... Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ và	... Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật. Việc tổ chức họp Đại Hội Nhà	Sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>của Pháp Luật. Việc tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được thực hiện theo quy định tại điều 20 và điều 22 của Điều Lệ.</p> <p>...</p> <p>Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ như sau:</p> <p>...</p> <p>c) Quyết định việc chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, giải thể Quỹ;</p>	<p>Đầu Tư được thực hiện theo quy định tại điều 20 và điều 22 của Điều Lệ.</p> <p>...</p> <p>Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ như sau:</p> <p>...</p> <p>c) Quyết định việc chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;</p>	
13.	<p>9.2 TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ</p> <p>9.2.9 Ban Đại Diện Quỹ</p>	<p>...</p> <p>Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ là năm (05) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ.</p> <p>...</p> <p>c) Phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật;</p> <p>d) Phê duyệt về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;</p> <p>...</p> <p>g) Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư gán nhất đã ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.8 của Điều Lệ Quỹ;</p> <p>...</p>	<p>...</p> <p>Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ không quá là năm (05) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ.</p> <p>...</p> <p>c) Phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật;</p> <p>d) Chấp thuận các giao dịch vào tài sản được phép đầu tư của Quỹ theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ). Chấp thuận của Ban đại diện quỹ phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ.</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Chấp thuận của Ban đại diện quỹ đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch, và giao dịch phải được thực hiện trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> <p>Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định Phê duyệt về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;</p> <p>...</p> <p>g) Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.8 của Điều Lệ Quỹ;</p>	
14.	Toàn văn bản		Sửa thống nhất cách viết số và số bằng chữ theo nguyên tắc số viết bằng chữ trước và theo sau là số trong ngoặc đơn	Sửa để thống nhất trong toàn bộ văn bản
15.	Toàn văn bản		Sửa thống nhất viết hoa, viết thường theo các khái niệm đã được định nghĩa tại phần ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI	Sửa để thống nhất trong toàn bộ văn bản
16.	Toàn văn bản	IICA	IIA	Sửa từ viết tắt theo quy định hiện hành
17.	9.3 MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ	Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng Giá Trị Tài Sản Ròng trung và dài hạn (từ hai (2) năm đến năm (5) năm) và tạo thu nhập ổn định cho Nhà Đầu Tư thông qua đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Chi tiết về các loại tài sản mà	Quỹ thực hiện đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ hướng tới mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận thông qua chiến lược phân bổ linh hoạt: kết hợp sự ổn định từ các công cụ thu nhập cố định với tiềm năng tăng trưởng từ danh mục cổ phiếu; dựa trên nền tảng kỷ luật quản trị rủi ro nghiêm ngặt.	Thay đổi mục tiêu đầu tư

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	9.3.1 Mục Tiêu Đầu Tư	Quý sẽ đầu tư được thể hiện tại Mục 9.3.2.9 của Bản Cáo Bạch này.	Mục tiêu đầu tư của Quý là tăng trưởng Giá Trị Tài Sản Ròng trung và dài hạn (từ hai (2) năm đến năm (5) năm) và tạo thu nhập ổn định cho Nhà Đầu Tư thông qua đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Chi tiết về các loại tài sản mà Quý sẽ đầu tư được thể hiện tại Mục 9.3.2.9 của Bản Cáo Bạch này.	
18.	9.3 MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ 9.3.2 Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bỏ Tài Sản	<p>9.3.2.1 Quý sẽ áp dụng chiến lược đầu tư năng động hoặc chiến lược đầu tư giá trị tùy vào diễn biến của thị trường và tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu niêm yết của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt kể cả trong điều kiện thị trường không thuận lợi và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.</p> <p>9.3.2.2 Quý cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quý. Các tài sản này bao gồm các tài sản được liệt kê tại Mục 9.3.2.9 (a) của Bản Cáo Bạch này.</p> <p>9.3.2.3 Trái phiếu doanh nghiệp được xem xét đầu tư nếu trái phiếu đó thỏa mãn các tiêu chí quy định tại Mục 9.3.2.9 của Bản Cáo Bạch này và thỏa mãn các tiêu chí do Công Ty Quản Lý Quỹ đề ra và phù hợp với quy định của Pháp Luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống để đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, diễn biến lạm phát, lãi suất và tỷ giá để đưa ra quyết định đầu tư liên quan đến kỳ hạn, lợi suất trái phiếu và nhóm ngành của tổ</p>	<p>9.1 Cơ cấu tài sản của Quý được phân bổ linh hoạt giữa cổ phiếu và trái phiếu tùy theo điều kiện thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm, nhằm hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận trên một đơn vị rủi ro.</p> <p>Với danh mục cổ phiếu, quý áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, tăng trưởng với mức định giá hợp lý, cụ thể là lựa chọn các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng bền vững với một định giá hấp dẫn so với triển vọng dài hạn. Danh mục cổ phiếu ưu tiên các công ty có lợi thế cạnh tranh rõ rệt, có khả năng gia tăng thị phần, sở hữu đội ngũ lãnh đạo có năng lực quản trị tốt và minh bạch. Nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tỷ trọng các ngành nghề và cổ phiếu được điều chỉnh phù hợp với từng chu kỳ kinh tế.</p> <p>Với danh mục tài sản có thu nhập cố định, Quý phân bổ vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ có thu nhập cố định khác. Mọi khoản đầu tư đều được thẩm định nghiêm ngặt qua Hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital, đảm bảo tài sản có chất lượng tín dụng cao nhằm thiết lập nguồn thu ổn định, giảm biến động và gia tăng hiệu quả cho toàn bộ danh mục.</p> <p>9.3.2.1 Quý sẽ áp dụng chiến lược đầu tư năng động hoặc chiến lược đầu tư giá trị tùy vào diễn biến của thị trường và</p>	Thay đổi chiến lược đầu tư

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>chức phát hành. Bên cạnh đó, Công Ty Quản Lý Quỹ đồng thời áp dụng phương pháp phân tích từ dưới lên để chọn lọc các tổ chức phát hành có chất lượng tín dụng tốt và có đủ năng lực tài chính đáp ứng nhu cầu thanh toán lãi và vốn gốc trái phiếu khi đến hạn.</p> <p>9.3.2.4 Đối với tài sản đầu tư là cổ phiếu, Quỹ áp dụng chiến lược năng động và sẽ tập trung vào cổ phiếu giá trị, nhưng tùy vào điều kiện thị trường, Quỹ cũng sẽ xem xét đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng để nắm bắt cơ hội. Cụ thể, Quỹ sẽ chọn các cổ phiếu thỏa mãn các tiêu chí quy định tại Mục 9.3.2.9 của Bản Cáo Bạch này của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt kể cả trong điều kiện thị trường không thuận lợi và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền đưa ra các phương án đầu tư và được toàn quyền lựa chọn và đầu tư các cổ phiếu thích hợp để tối ưu hóa lợi ích của Quỹ và đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Điều Lệ và các quy định liên quan của Pháp Luật.</p> <p>9.3.2.5 Quỹ áp dụng phương pháp phân tích tiếp cận từ trên xuống để phân tích vĩ mô, phân tích ngành nhằm chọn ra các ngành nghề hiệu quả, có tiềm năng tăng trưởng kết hợp với phương pháp phân tích tiếp cận từ dưới lên để phân tích các chỉ số cơ bản của các công ty mục tiêu nhằm lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty đang được định giá hấp dẫn và có tiềm năng tăng trưởng tốt trong nhiều ngành khác nhau. Từ kết quả của các phân tích này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất và thực hiện các khoản đầu tư phù hợp cho Quỹ. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư</p>	<p>tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu niêm yết của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt kể cả trong điều kiện thị trường không thuận lợi và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.</p> <p>9.3.2.2 Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ. Các tài sản này bao gồm các tài sản được liệt kê tại Mục 9.3.2.9 (a) của Bản Cáo Bạch này.</p> <p>9.3.2.3 Trái phiếu doanh nghiệp được xem xét đầu tư nếu trái phiếu đó thỏa mãn các tiêu chí quy định tại Mục 9.3.2.9 của Bản Cáo Bạch này và thỏa mãn các tiêu chí do Công Ty Quản Lý Quỹ đề ra và phù hợp với quy định của Pháp Luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống để đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, diễn biến lạm phát, lãi suất và tỷ giá để đưa ra quyết định đầu tư liên quan đến kỳ hạn, lợi suất trái phiếu và nhóm ngành của tổ chức phát hành. Bên cạnh đó, Công Ty Quản Lý Quỹ đồng thời áp dụng phương pháp phân tích từ dưới lên để chọn lọc các tổ chức phát hành có chất lượng tín dụng tốt và có đủ năng lực tài chính đáp ứng nhu cầu thanh toán lãi và vốn gốc trái phiếu khi đến hạn.</p> <p>9.3.2.4 Đối với tài sản đầu tư là cổ phiếu, Quỹ áp dụng chiến lược năng động và sẽ tập trung vào cổ phiếu giá trị, nhưng tùy vào điều kiện thị trường, Quỹ cũng sẽ xem xét đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng để nắm bắt cơ hội. Cụ thể, Quỹ sẽ chọn các cổ phiếu thỏa mãn các tiêu chí quy định tại Mục 9.3.2.9 của Bản Cáo Bạch này của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt kể cả trong điều</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu. Công Ty Quản Lý Quỹ được toàn quyền quyết định danh mục đầu tư của Quỹ phù hợp với các hạn chế đầu tư theo quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật.</p> <p>9.3.2.6 Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và quy định của Pháp Luật.</p> <p>9.3.2.7 Quỹ có mục tiêu đầu tư vào danh mục cân bằng giữa cổ phiếu và các tài sản thu nhập cố định. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tùy thuộc vào đánh giá của Công Ty Quản Lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm. Thông thường, tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp và phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi hơn cho chiến lược đầu tư năng động nhằm vào tăng trưởng vốn. Tỷ lệ phân bổ kỳ vọng của Quỹ sẽ là đầu tư tối thiểu 80% tổng tài sản của Quỹ vào cổ phiếu và trái phiếu, trong đó tối thiểu 30% vào cổ phiếu và tối thiểu 30% vào trái phiếu. Cơ cấu phân bổ ở trên là cơ cấu kỳ vọng, tùy vào tình hình thực tế của thị</p>	<p>kiến thị trường không thuận lợi và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền đưa ra các phương án đầu tư và được toàn quyền lựa chọn và đầu tư các cổ phiếu thích hợp để tối ưu hóa lợi ích của Quỹ và đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Điều Lệ và các quy định liên quan của Pháp Luật.</p> <p>9.3.2.5 Quỹ áp dụng phương pháp phân tích tiếp cận từ trên xuống để phân tích vĩ mô, phân tích ngành nhằm chọn ra các ngành nghề hiệu quả, có tiềm năng tăng trưởng kết hợp với phương pháp phân tích tiếp cận từ dưới lên để phân tích các chỉ số cơ bản của các công ty mục tiêu nhằm lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty đang được định giá hấp dẫn và có tiềm năng tăng trưởng tốt trong nhiều ngành khác nhau. Từ kết quả của các phân tích này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất và thực hiện các khoản đầu tư phù hợp cho Quỹ. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu. Công Ty Quản Lý Quỹ được toàn quyền quyết định danh mục đầu tư của Quỹ phù hợp với các hạn chế đầu tư theo quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật.</p> <p>9.3.2.6 Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và quy định của Pháp Luật.</p> <p>9.3.2.7 Quỹ có mục tiêu đầu tư vào danh mục cân bằng giữa cổ phiếu và các tài sản thu nhập cố định. Tỷ trọng phân bổ tài</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>trường, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi cơ cấu đầu tư ở trên cho phù hợp với thị trường.</p> <p>9.3.2.8 Phù hợp với quy định của Pháp Luật và các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho Quỹ và Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể áp dụng chiến lược đầu tư giá trị và tạm thời đầu tư phần lớn hoặc toàn bộ tài sản của Quỹ vào các loại tài sản an toàn và có mức sinh lời ổn định như tiền và các khoản tương đương tiền và/hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn và/hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đã được đề ra trong Điều Lệ và mục tiêu thể hiện trong Bản Cáo Bạch.</p>	<p>sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tùy thuộc vào đánh giá của Công Ty Quản Lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm. Thông thường, tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp và phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi hơn cho chiến lược đầu tư năng động nhằm vào tăng trưởng vốn. Tỷ lệ phân bổ kỳ vọng của Quỹ sẽ là đầu tư tối thiểu 80% tổng tài sản của Quỹ vào cổ phiếu và trái phiếu, trong đó tối thiểu 30% vào cổ phiếu và tối thiểu 30% vào trái phiếu. Cơ cấu phân bổ ở trên là cơ cấu kỳ vọng, tùy vào tình hình thực tế của thị trường, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi cơ cấu đầu tư ở trên cho phù hợp với thị trường.</p> <p>9.3.2.8 Phù hợp với quy định của Pháp Luật và các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho Quỹ và Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể áp dụng chiến lược đầu tư giá trị và tạm thời đầu tư phần lớn hoặc toàn bộ tài sản của Quỹ vào các loại tài sản an toàn và có mức sinh lời ổn định như tiền và các khoản tương đương tiền và/hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn và/hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đã được đề ra trong Điều Lệ và mục tiêu thể hiện trong Bản Cáo Bạch.</p>	
19.	9.3 MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ	<p>9.3.2.2 Quỹ sẽ đầu tư vào các tài sản sau:</p> <p>...</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh</p>	<p>9.3.2.2 Quỹ sẽ đầu tư vào các tài sản sau:</p> <p>...</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúngCổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	9.3.2 Chiến lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bỏ Tài Sản	<p>thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; ii. Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành. <p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p>h) Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá một (01) năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ hai (02) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng một (01) trái phiếu hoặc cùng một (01) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch ii. Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; 	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>iii. Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có Có-đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</p> <p>iv. Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;</p> <p>v. Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro;</p> <p>vi. Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điểm (e) Điều 9.2 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quý đang nắm giữ; Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>i. Quý đang nắm giữ tối thiểu năm mươi phần trăm (50%) số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;</p> <p>ii. Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quý;</p> <p>iii. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng, được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quý với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.</p> <p>g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quý đang nắm giữ;</p> <p>h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền;</p> <p>h) Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.</p>	
20.	9.3 MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN	9.3.3.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau: (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ không được đầu tư quá	9.3.3.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch và phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau :	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>MỨC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ</p> <p>9.3.3 Hạn Chế Đầu Tư</p>	<p>bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại các điểm 9.3.2.9 (a) và (b) của Bản Cáo Bạch này;</p> <p>(b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các điểm 9.3.2.9 (a), (b), (d), (e) và (f) của Bản Cáo Bạch này phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan;</p> <p>(e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm 9.3.2.9 của Bản.Cáo Bạch này;</p> <p>(f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm Điểm 9.3.2.9 (b), (d), (e), và (g) của Bản Cáo Bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (1) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;</p> <p>...</p>	<p>(a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại các điểm 9.3.2.9 9.3.2.2 (a) và (b) của Bản Cáo Bạch này;</p> <p>(b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các Điểm 9.3.2.9 2 (a), (b), (d), (e), và (f) và (h) khoản 2 của Bản Cáo Bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một (1) nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một (01) công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;</p> <p>(e) Không được đầu tư quá mười hai mươi phần trăm (10% 20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm 9.3.2.9 2 của Bản Cáo Bạch này, trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ ba (03) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm 9.3.2.22 (e) hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm 9.3.2.22 (e) và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>tín nhiệm quy định tại điểm 9.3.2.22 (e) hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;</p> <p>(f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quý không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quý. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quý là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm Điểm 9.3.2.9 2 (b), (d), (e), và (g) và (h) của Bản Cáo Bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (1) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quý;</p> <p>(l) Không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một (01) mã chứng quyền có bảo đảm.</p>	
21.	<p>9.4 CƠ CHẾ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ</p> <p>9.4.1.2 Xử Lý Đơn Đăng Ký</p>	<p>(c) Nhà Đầu Tư phải thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quý từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà Đầu Tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quý vào tài khoản của Quý tại Ngân Hàng Giám Sát trong thời hạn theo quy định tại Mục 12.2.1, để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý Lệnh Mua. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán. Mọi khoản đầu tư mua Đơn Vị Quý đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quý được mở tại Ngân Hàng Giám Sát. với nội dung chuyển khoản như được hướng dẫn chi tiết tại Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.</p>	<p>(c) Nhà Đầu Tư phải thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quý từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà Đầu Tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quý vào tài khoản của Quý tại Ngân Hàng Giám Sát trong thời hạn theo quy định tại Mục 12.2.1, để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý Lệnh Mua. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó và giá trị thanh toán, tên và số tài khoản của Nhà Đầu Tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó. Mọi khoản đầu tư mua Đơn Vị Quý đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quý được mở tại Ngân Hàng Giám Sát. với nội dung chuyển khoản như được hướng dẫn chi tiết tại Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
22.	9.4 CƠ CHẾ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ 9.4.4 Thực Hiện Một Phần Hoặc Tạm Dừng Thực Hiện Giao Dịch Đơn Vị Quỹ, Mức Phòng Vệ Thanh Khoản	<p>9.4.4 Thực Hiện Một Phần Lệnh Được Chấp Nhận và Tạm Dừng Giao Dịch Đơn Vị Quỹ</p> <p>9.4.4.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các Lệnh Được Chấp Nhận khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Tổng giá trị các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Mua Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận dẫn tới:</p> <p>(i) Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VNĐ); hoặc</p> <p>(ii) Giá trị phần chứng chỉ quỹ hoặc số chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư đã được quy định tại Bản Cáo Bạch; hoặc</p> <p>...</p> <p>Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Mục 9.4.4.1 bên trên phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (3) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>...</p>	<p>9.4.4 Thực Hiện Một Phần Lệnh Được Chấp Nhận và Tạm Dừng Giao Dịch Đơn Vị Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản</p> <p>9.4.4.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các Lệnh Được Chấp Nhận khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Tổng giá trị các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Mua Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn hoặc bằng năm mười phần trăm (405%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc</p> <p>(b) Việc thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận dẫn tới:</p> <p>(i) Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi (50) tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VNĐ); hoặc</p> <p>(ii) Giá trị phần chứng chỉ quỹ hoặc số chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng chứng chỉ quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư đã được quy định tại Bản Cáo Bạch; hoặc</p> <p>...</p> <p>Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Mục 9.4.4.1 bên trên phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (3) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>...</p> <p>9.4.4.9 Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>(a) Chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho Quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với Nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản Cáo Bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội Nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của Quỹ;</p> <p>(b) Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là hai phần trăm của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch tương ứng. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối;</p> <p>(c) Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là một (01) ngày làm việc kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông báo tới Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản;</p> <p>(d) Công Ty Quản Lý Quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công Ty Quản Lý Quỹ, thông báo tới Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn hai mươi bốn</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			(24) giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt; (e) Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.	
23.	9.5 NGUYỄN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ 9.5.1 Tần Suất Định Giá Đơn Vị Quỹ	9.5.1.2 Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào Ngày Giao Dịch. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch là ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Giao Dịch kế tiếp. Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch khi thấy cần thiết. Trong trường hợp giảm tần suất giao dịch thì phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua nhưng không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư gần nhất.	9.5.1.2 Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào Ngày Giao Dịch. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch là ngày nghỉ lễ, các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật , ngày nghỉ bù theo quy định thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Giao Dịch kế tiếp. Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch khi thấy cần thiết. Trong trường hợp giảm tần suất giao dịch thì phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua nhưng không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Việc tăng tần suất giao dịch hoặc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh, thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư gần nhất.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
24.	9.6 GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ VÀ GIÁ DỊCH VỤ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ	... Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá mức quy định Bản Cáo Bạch này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.	... Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá mức quy định Bản Cáo Bạch này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu ba mươi (630) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	9.6.1.1 Giá Dịch Vụ Phát Hành			
25.	9.6 GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ VÀ GIÁ DỊCH VỤ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ 9.6.1.2 Giá Dịch Vụ Mua Lại	... Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá mức quy định Bản Cáo Bạch này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.	... Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá mức quy định Bản Cáo Bạch này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu ba mươi (630) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
26.	9.6 GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ VÀ GIÁ DỊCH VỤ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ 9.6.1.3 Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ	Do VinaCapital ấn định và công bố trên trang thông tin điện tử của VinaCapital và không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. ... Việc tăng giá dịch vụ chuyển đổi chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ chuyển đổi sau khi tăng không vượt quá mức quy định Bản Cáo Bạch này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.	Do VinaCapital ấn định và công bố trên trang thông tin điện tử của VinaCapital và không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản. ... Việc tăng giá dịch vụ chuyển đổi chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ chuyển đổi sau khi tăng không vượt quá mức quy định Bản Cáo Bạch này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu ba mươi (630) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
27.	9.6 GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ	Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ. Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân sách hoạt động của	Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân sách hoạt động của Quỹ , phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ. Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	VÀ GIÁ DỊCH VỤ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ 9.6.2.7 Giá Dịch Vụ Kiểm Toán	Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt hàng năm.	sách hoạt động của Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt hàng năm.	
28.	9.7 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ 9.7.1 Phân Chia Lợi Nhuận	... 9.7.1.7 Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.	... 9.7.1.7 Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.	Sửa đổi theo Điều lệ
29.	9.7 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ 9.7.2 Chính Sách Thuế	9.7.2.3 Bản tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định Pháp Luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014, Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006, Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC	9.7.2.3 Bảng tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 10 tháng 12 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2026, và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 14 tháng 06 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và các quy định liên quan khác. Bản tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày	Sửa đổi cho phù hợp với luật thuế

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung																																																
		<p>ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các quy định liên quan khác.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Nhà Đầu Tư</th> <th colspan="2">Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ</th> </tr> <tr> <th></th> <th>Cổ tức</th> <th>Bán Đơn Vị Quỹ</th> <th>Quà tặng/ Thừa kế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cá nhân cư trú là người Việt Nam</td> <td>5%⁽¹⁾</td> <td>0,1% giá trị giao dịch⁽¹⁾</td> <td>10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ cao hơn 10 triệu VND</td> </tr> <tr> <td>Cá nhân cư trú là người nước ngoài</td> <td>5%⁽¹⁾</td> <td>0,1% giá trị giao dịch⁽¹⁾</td> <td>10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ cao hơn 10 triệu VND</td> </tr> <tr> <td>Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)</td> <td>20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp⁽¹⁾</td> <td>Lợi nhuận từ việc bán Đơn Vị Quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> <td>Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> </tr> <tr> <td>Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)</td> <td>20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp⁽¹⁾</td> <td>0,1% giá trị giao dịch⁽¹⁾</td> <td>0,1% giá trị giao dịch⁽¹⁾</td> </tr> </tbody> </table>	Nhà Đầu Tư		Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ			Cổ tức	Bán Đơn Vị Quỹ	Quà tặng/ Thừa kế	Cá nhân cư trú là người Việt Nam	5% ⁽¹⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽¹⁾	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ cao hơn 10 triệu VND	Cá nhân cư trú là người nước ngoài	5% ⁽¹⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽¹⁾	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ cao hơn 10 triệu VND	Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽¹⁾	Lợi nhuận từ việc bán Đơn Vị Quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽¹⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽¹⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽¹⁾	<p>26 tháng 11 năm 2014 và các quy định Pháp Luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014, Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006, Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các quy định liên quan khác.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Nhà Đầu Tư</th> <th colspan="2">Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ</th> </tr> <tr> <th></th> <th>Cổ tức</th> <th>Chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ</th> <th>Quà tặng/ Thừa kế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cá nhân cư trú là người Việt Nam</td> <td>2,5%⁽²⁾</td> <td>- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch⁽²⁾ - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế⁽²⁾</td> <td>10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 20 triệu VND</td> </tr> <tr> <td>Cá nhân cư trú là người nước ngoài</td> <td>2,5%⁽²⁾</td> <td>- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch⁽²⁾ - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế⁽²⁾</td> <td>10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 20 triệu VND</td> </tr> <tr> <td>Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)</td> <td>20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp⁽²⁾</td> <td>Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> <td>Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%</td> </tr> <tr> <td>Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)</td> <td>20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp⁽²⁾</td> <td>0,1% giá trị giao dịch⁽²⁾</td> <td>0,1% giá trị giao dịch⁽²⁾</td> </tr> </tbody> </table>	Nhà Đầu Tư		Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ			Cổ tức	Chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ	Quà tặng/ Thừa kế	Cá nhân cư trú là người Việt Nam	2,5% ⁽²⁾	- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch ⁽²⁾ - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế ⁽²⁾	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 20 triệu VND	Cá nhân cư trú là người nước ngoài	2,5% ⁽²⁾	- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch ⁽²⁾ - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế ⁽²⁾	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 20 triệu VND	Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽²⁾	Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽²⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽²⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽²⁾	
Nhà Đầu Tư		Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ																																																		
	Cổ tức	Bán Đơn Vị Quỹ	Quà tặng/ Thừa kế																																																	
Cá nhân cư trú là người Việt Nam	5% ⁽¹⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽¹⁾	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ cao hơn 10 triệu VND																																																	
Cá nhân cư trú là người nước ngoài	5% ⁽¹⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽¹⁾	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ cao hơn 10 triệu VND																																																	
Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽¹⁾	Lợi nhuận từ việc bán Đơn Vị Quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Đơn Vị Quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%																																																	
Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽¹⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽¹⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽¹⁾																																																	
Nhà Đầu Tư		Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ																																																		
	Cổ tức	Chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ	Quà tặng/ Thừa kế																																																	
Cá nhân cư trú là người Việt Nam	2,5% ⁽²⁾	- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch ⁽²⁾ - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế ⁽²⁾	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 20 triệu VND																																																	
Cá nhân cư trú là người nước ngoài	2,5% ⁽²⁾	- Thời gian nắm giữ dưới hai (02) năm kể từ ngày mua: 0,1% giá trị giao dịch ⁽²⁾ - Thời gian nắm giữ từ hai (02) năm trở lên kể từ ngày mua: miễn thuế ⁽²⁾	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 20 triệu VND																																																	
Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽²⁾	Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%																																																	
Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽²⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽²⁾	0,1% giá trị giao dịch ⁽²⁾																																																	
30.	9.8 KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	9.8.1.1 Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và đề xuất để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, thuộc danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và không được là Người	9.8.1.1 Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và đề xuất để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, thuộc danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và không được là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản	Sửa đổi theo Điều lệ																																																

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.	Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.	
31.	X. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ	10.3 Chương trình phúc lợi tiết kiệm đầu tư dài hạn (VinaCapital Long-term Savings scheme- VinaLTS) 10.3.1 Giới thiệu chung Chương trình phúc lợi tiết kiệm đầu tư dài hạn là một giải pháp tích lũy tài chính có hệ thống, được thiết kế riêng cho doanh nghiệp và người lao động cùng tham gia như một phần của chính sách phúc lợi bền vững. 10.3.2 Cách thức xác định mức giá dịch vụ áp dụng Mức giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với chương trình VinaLTS tối đa là 2%.	10.3 Chương trình phúc lợi tiết kiệm đầu tư dài hạn (VinaCapital WealthBuilder VinaCapital Long-term Savings scheme-VinaLTS) 10.3.1 Giới thiệu chung Chương trình phúc lợi tiết kiệm đầu tư dài hạn là một giải pháp tích lũy tài chính có hệ thống, được thiết kế riêng cho doanh nghiệp và người lao động cùng tham gia như một phần của chính sách phúc lợi bền vững. 10.3.2 Cách thức xác định mức giá dịch vụ áp dụng Mức giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với chương trình VinaCapital WealthBuilder VinaLTS tối đa là 2%.	
32.	11.1 CĂN CỨ PHÁP LÝ	1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; 2. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp; 3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; 4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; 5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu	1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; 2. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp; 3. Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; 4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;	Cập nhật văn bản pháp lý cho phù hợp

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>6. Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>7. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;</p> <p>8. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>9. Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.</p> <p>10. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;</p> <p>11. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;</p> <p>12. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành quy định về hành nghề chứng khoán; và</p> <p>Các văn bản pháp luật có liên quan khác.</p>	<p>5. Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;</p> <p>6. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>7. Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;</p> <p>8. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>9. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>10. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>11. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</p> <p>12. Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;</p> <p>13. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;</p> <p>14. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;</p> <p>15. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025;</p> <p>10. Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.</p> <p>11. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>12. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành quy định về hành nghề chứng khoán; và</p> <p>16. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;</p> <p>17. Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;</p> <p>Các văn bản pháp luật có liên quan khác.</p>	
33.	12.1 NGÀY GIAO DỊCH VÀ TẦN SUẤT GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ	<p>Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, cụ thể là ngày nghỉ Giáng sinh và/ hoặc ngày nghỉ du lịch của công ty (Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử, (nếu có), nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (2) lần trong một (1) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.</p> <p>Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch khi thấy cần thiết. Trong trường hợp giảm tần suất giao dịch thì phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua nhưng không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công</p>	<p>Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, cụ thể là ngày nghỉ Giáng sinh và/ hoặc ngày nghỉ du lịch của công ty (Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử (nếu có), nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (2) lần trong một (1) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.</p> <p>Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch khi thấy cần thiết. Trong trường hợp giảm tần suất giao dịch thì phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua nhưng không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Việc</p>	Sửa đổi theo Điều lệ

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư gần nhất.	tăng tần suất giao dịch hoặc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh, thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư gần nhất.	
34.	12.2 THỜI ĐIỂM ĐÓNG SỐ LỆNH VÀ XÁC NHẬN GIAO DỊCH	12.2.2 Thời Điểm Đóng Số Lệnh sẽ được ghi nhận tại các Điểm Nhận Lệnh là 14 giờ 40 phút (giờ Việt Nam) ngày T-1. Trường hợp ngày đóng số lệnh rơi vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ bù ngày lễ theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có), nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (2) lần trong một (1) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì thời điểm đóng số lệnh là ngày làm việc liền kề trước ngày đóng số lệnh. Với những lệnh giao dịch hợp lệ, Giá Trị Tài Sản Ròng của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng để xác định giá giao dịch.	12.2.2 Thời Điểm Đóng Số Lệnh sẽ được ghi nhận tại các Điểm Nhận Lệnh là 14 giờ 40 phút (giờ Việt Nam) ngày T-1. Trường hợp ngày đóng số lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ, các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ bù ngày lễ theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) được thông tin chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ , nhưng vẫn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (2) lần trong một (1) tháng theo quy định pháp luật hiện hành, thì thời điểm việc đóng số nhận lệnh là sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền kề trước ngày đóng số lệnh đó . Với những lệnh giao dịch hợp lệ, Giá Trị Tài Sản Ròng của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng để xác định giá giao dịch.	Sửa đổi theo Điều lệ
35.	12.5 BÁN ĐƠN VỊ QUỸ 12.5.4 Thanh Toán Tiền Bán Đơn Vị Quỹ Cho Nhà Đầu Tư	Việc thanh toán tiền bán Đơn Vị Quỹ cho Nhà Đầu Tư sau khi đã trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có) sẽ được thực hiện trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Đơn Vị Quỹ tới tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ được khấu trừ từ tiền bán Đơn Vị Quỹ. Tiền bán Đơn Vị Quỹ sẽ được chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng mang tên Nhà Đầu Tư, chỉ định với số tài khoản đã đăng ký trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư cần đảm bảo thông tin tài khoản trong Sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được tiền thanh toán bán Đơn Vị Quỹ.	Việc thanh toán tiền bán Đơn Vị Quỹ cho Nhà Đầu Tư sau khi đã trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có) sẽ được thực hiện trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch trừ trường hợp quy định tại mục 9.4.4 của Bản Cáo Bạch này . Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Đơn Vị Quỹ tới tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ được khấu trừ từ tiền bán Đơn Vị Quỹ. Tiền bán Đơn Vị Quỹ sẽ được chuyển khoản tới vào tài khoản ngân hàng mang tên của Nhà Đầu Tư, hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu Tư Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định , chỉ định với số tài khoản đã đăng ký trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư cần đảm bảo	Sửa đổi theo Điều lệ

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>thông tin tài khoản trong Sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được tiền thanh toán bán Đơn Vị Quỹ.</p> <p>Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thanh toán, Đại Lý Ký Danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho Nhà đầu tư.</p>	
36.	XVII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	<p>Phụ Lục 01: Quy Trình Và Các Hướng Dẫn Giao Dịch Đơn Vị Quỹ</p> <p>Phụ Lục 02: Danh Sách Các Đại Lý Phân Phối Và Điểm Nhận Lệnh</p> <p>Phụ Lục 03: Phương Pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ</p>	<p>Phụ Lục 01: Quy Trình Và Các Hướng Dẫn Giao Dịch Đơn Vị Quỹ</p> <p>Phụ Lục 02: Danh Sách Các Đại Lý Phân Phối Và Điểm Nhận Lệnh</p> <p>Phụ Lục 03: Phương Pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ</p> <p>Phụ Lục 04: Chính Sách Áp Dụng Mức Phòng Vệ Thanh Khoản</p>	Cập nhật danh sách phụ lục
37.			<p>ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p> <p>NGUYỄN HOÀI THU CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	Bổ sung chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị theo Thông tư 136
38.	PHỤ LỤC 02 – DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐIỂM NHẬN LỆNH		Thay đổi toàn văn	Cập nhật danh sách và thông tin đại lý phân phối
39.	PHỤ LỤC 03: PHƯƠNG	Tiền (VNĐ) Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.	Tiền (VNĐ) Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật.
40.	PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác = Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.	
41.	QUỸ	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	2. Phương pháp định giá tài sản	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ chấp thuận và thời gian nắm giữ công cụ.	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc -mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ chấp thuận và thời gian nắm giữ công cụ.	
42.		<p>Trái phiếu niêm yết</p> <p>Được xác định theo giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trừ các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở giao dịch Chứng khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá; hoặc • Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá <p>thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt</p>	<p>Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>Được xác định theoGiá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá thị trường có biến động bất thường vượt quá +/- 0,3% so với giá mua bình quân gia quyền của trái phiếu đó, giá trái phiếu là một trong các mức giá sau:</p> <p>(i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</p> <p>Trừ các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở giao dịch Chứng khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá; hoặc • Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá <p>thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt</p>	
43.		Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có ngày giao dịch đầu tiên và Trái phiếu hủy niêm yết Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có ngày giao dịch đầu tiên, áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch và Trái phiếu huỷ niêm yết</p> <p>Giá trái phiếu được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc (ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá 	
44.			<p>Trái phiếu bị huỷ niêm yết theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán do gần đến ngày đáo hạn hoặc do tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước ngày đáo hạn (đáo hạn sớm), áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch</p> <p>Giá trái phiếu sẽ được xác định là mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>	
45.			<p>Trái phiếu bị huỷ niêm yết hoặc huỷ đăng ký giao dịch vì các lý do khác, áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch</p> <p>Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.</p>	
46.		<p>Trái phiếu không niêm yết</p> <p>Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết quy định tại sổ tay định giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc (ii) Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc <p>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</p>	<p>Trái phiếu không niêm yết</p> <p>Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết thứ tự ưu tiên được quy định tại Sổ tay định giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất lũy kế cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc 	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			(iv) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.	
47.		<p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> <p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác), tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</p>	<p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> <p>Được xác định theoGiá thị trường, là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
48.		<p>Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch</p> <p>Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p>	<p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch</p> <p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> <p>Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch</p> <p>Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p>	
49.		<p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p> <p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	<p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
50.			<p>Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau với quy định chi tiết tại Sở tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
51.		<p>Cổ phần, phần vốn góp khác</p> <p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</p> <p>(iii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>Giá xác định theo một phương pháp khác được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	<p>Cổ phần, phần vốn góp khác</p> <p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá đề dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người Có Liên Qan của Công Ty Quản Lý Quỹ và được Ban đại diện quỹ phê duyệt cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</p> <p>(iii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>Giá xác định theo một phương pháp khác được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
52.		<p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p> <p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</p>	<p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận</p>	
53.		<p>Quyền mua cổ phiếu</p> <p>Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi.</p>	<p>Quyền mua cổ phiếu</p> <p>Giá trị quyền mua cổ phiếu là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Ngày Định Giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.</p> <p>Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi.</p>	
54.		<p>Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc</p> <p>(ii) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(v) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	<p>Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <p>(i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin UBCKNN hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
55.			<p>Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán Là một trong các mức giá sau:</p> <p>(i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua; hoặc</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.	
56.		Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.	Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.	
57.			Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.	
58.		Các tài sản được phép đầu tư khác Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.	Các tài sản được phép đầu tư khác Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá đedựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong thực hiện thành công) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Quý và được Ban đại diện quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
59.	PHỤ LỤC 04: CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG MỨC PHÒNG VỆ THANH KHOẢN		<p>Chính sách này thiết lập khung quản trị, điều kiện kích hoạt, cơ sở tính toán, đánh giá và triển khai, quy định công bố thông tin và trách nhiệm liên quan đến Mức phòng vệ thanh khoản áp dụng cho Quỹ VINACAPITAL-VIBF.</p> <p>Mức phòng vệ thanh khoản là biện pháp ngoại lệ và tạm thời, chỉ được áp dụng khi nhà đầu tư thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ trong các trường hợp căng thẳng thanh khoản nghiêm trọng do nguyên nhân bất khả kháng, nhằm bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ và đảm bảo sự công bằng giữa tất cả nhà đầu tư.</p> <p>Điều kiện kích hoạt</p> <p>Mức phòng vệ thanh khoản chỉ được áp dụng khi Quỹ gặp tình trạng tính thanh khoản bị sụt giảm nghiêm trọng do nguyên nhân bất khả kháng và các biện pháp quản lý thanh khoản thông thường (như đáp ứng một phần lệnh bán của nhà đầu tư hoặc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ) không đủ hoặc không hiệu quả để bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư còn lại.</p> <p>Các tình huống điển hình, nhưng không giới hạn, có thể dẫn đến việc xem xét áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút vốn ròng đột ngột và quy mô lớn vượt xa khả năng thanh khoản thông thường của Quỹ, dẫn đến không thể đáp ứng lệnh bán của nhà đầu tư mà không phải bán tháo tài sản với mức chiết khấu rất cao; hoặc - Gặp khó khăn nghiêm trọng hoặc không thể thanh khoản hóa tài sản danh mục ở mức giá trị hợp lý hoặc gần hợp lý 	Bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>trong thời gian hợp lý, dẫn đến gây thiệt hại đáng kể cho các nhà đầu tư còn lại; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khủng hoảng thị trường toàn diện, tạm ngừng giao dịch kéo dài đối với các lớp tài sản chính, sự cố hệ thống tại ngân hàng giám sát hoặc trung tâm thanh toán, thiên tai, sự kiện chính trị hoặc các sự kiện bất khả kháng khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng hoạt động bình thường của Quỹ; hoặc - Các tình huống căng thẳng thanh khoản khác có thể xác minh khách quan, được Công ty quản lý quỹ đánh giá là đáp ứng tiêu chí bất khả kháng và được Ban đại diện quỹ hoặc Đại hội nhà đầu tư phê duyệt. <p>Thông số và Cơ sở tính toán</p> <p>a) Cơ sở tính toán và Mức phòng vệ thanh khoản tối đa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch. Trong trường hợp Quỹ áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mua lại chứng chỉ quỹ mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm Mức phòng vệ thanh khoản - Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là hai phần trăm (2%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch tương ứng. <p>b) Ghi nhận kế toán số tiền thu được từ Mức phòng vệ thanh khoản:</p> <p>Toàn bộ số tiền thu được từ Mức phòng vệ thanh khoản phải được hạch toán vào thu nhập của Quỹ.</p> <p>Đánh giá và Triển khai</p> <p>Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể sẽ được xác định theo từng trường hợp và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Thời điểm áp dụng</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Mức phòng vệ thanh khoản là một (01) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), Công ty quản lý quỹ và thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản.</p> <p>Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ đánh giá và quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định tại Chính sách này; - Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể theo từng trường hợp; - Việc chấm dứt áp dụng Mức phòng vệ thanh khoản cho từng trường hợp cụ thể. <p>Công ty quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty quản lý quỹ, thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt.</p> <p>Xem xét và cập nhật Chính sách</p> <p>Chính sách này được xem xét và cập nhật trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có thay đổi đáng kể về điều kiện thị trường hoặc mô hình căng thẳng thanh khoản; - Sau mỗi lần áp dụng cơ chế (đánh giá sau sự kiện); <p>Khi có thay đổi quan trọng về pháp luật, quy định pháp lý hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý.</p>	



- Ngày bắt đầu có hiệu lực: 02/07/2026 (15 ngày kể từ ngày nộp Bản Cáo Bạch cập nhật cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và không nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản).
- Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital
Tổng Giám Đốc



Brook Colin Taylor

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê đầy đủ)

- Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung